TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 12/7/2019
Về việc "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Trà;
2. Bà Trần Thị Ngọc Điểm;

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng – Thư ký Tòa án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 36/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Lê Trọng N – sinh năm 1956; Trú tại: đường H, phường H, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng P – sinh năm 1983; địa chỉ: đường C, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

-Bị đơn: Bà Bùi Thị P – sinh năm 1961; Trú tại: đường H, phường H, thành phố T, Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hương Q – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư P, Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Địa chỉ: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Lê Trọng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi kết hôn vào năm 1983, đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã Tuy Hòa (nay là thành phố Tuy Hòa), tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống, giữa chúng tôi nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không hòa hợp nhau về mọi mặt trong cuộc sống, đến năm 2017, tôi không chịu đựng được nên về nhà mẹ tôi sống cho đến nay, tôi thấy tình cảm không còn nữa, yêu cầu Tòa giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung tên Lê Thị Phương Thương – sinh ngày 20/02/1989; Lê Thị Phương Thùy – sinh ngày 18/8/1985; Lê Thị Phương Thảo – sinh ngày 30/12/1983. Các con đã trưởng thành, có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Có căn nhà đường H, phường H, thành phố T và 400.000.000đ tiền mặt, bà P là người đang quản lý khối tài sản trên. Qua định giá căn nhà đường H có giá 2.800.000.000đ (Hai tỷ tám trăm triệu đồng), bản thân tôi thấy giá thấp nên tự định giá là 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng), nếu bà P nhận nhà thì tôi yêu cầu bà thanh toán lại cho tôi ½ giá trị tài sản theo giá nhà nước định (chia lại cho tôi 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng)), nếu bà P không chấp nhận thì tôi xin nhận nhà và thanh toán cho bà P ½ giá trị theo giá tôi tự định (tôi chia lại cho bà P 1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng).

-Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, bị đơn bà Bùi Thị P trình bày: vợ chồng không có mâu thuẫn, do ông N ngoại tình nên về nhà ruồng bỏ vợ con, đòi chia tài sản nên vợ con bức xúc dẫn đến lời qua tiếng lại, bản thân bà không muốn gia đình tan vỡ vì người khác nên không đồng ý ly hôn, không ý kiến về con và tài sản chung chỉ có căn nhà đường H, phường H, thành phố T, không đồng ý giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, về con đã trưởng thành, rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

-Bị đơn chấp nhận ly hôn, về con chung và tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng;

+Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình: Công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự, con chung và tài sản chung: Không giải

quyết. Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn; bị đơn cư trú tại đường H, phường H, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3]Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Trọng N và bà Bùi Thị P tự nguyện tìm hiểu kết hôn, được UBND phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 6 quyển số 01 ngày 13/01/1983 nên là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà P trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do ông N ngoại tình, về nhà ruồng bỏ vợ con, đòi chia tài sản nên vợ chồng tranh cãi, ông N bỏ nhà sống nơi khác, không quan tâm, chăm sóc vợ con, thời gian đầu bà nghĩ tình nghĩa vợ chồng cố gắng hàn gắn nhưng ông N không về, đến nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên chấp nhận ly hôn với ông N, xét thấy các đương sự đã thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về con chung: ông N và bà P có 03 con chung tên Lê Thị Phương T1 – sinh ngày 20/02/1989; Lê Thị Phương T2 – sinh ngày 18/8/1985; Lê Thị Phương T3 – sinh ngày 30/12/1983, các đương sự thống nhất các con đã trưởng thành, có gia đình riêng, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: nguyên đơn rút yêu cầu, bị đơn chấp nhận và cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí định giá tài sản: Ông N phải chịu chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ (đã nộp đủ).

[7 Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Trọng N và bà Bùi Thị P.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về chi phí định giá tài sản: Ông Lê Trọng N phải chịu chi phí định giá tài sản là 3.000.000đ (đã nộp đủ).

5. Về án phí: Ông Lê Trọng N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng*)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 09878 ngày 29/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Ngọc Hà